

----//-----

=====

BIÊN BẢN CHẤM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1 K57

Học kì 2- Năm học 2008- 2009

Môn thi: Tự nhiên Việt Nam 2

Ngày chấm thi:...../...../.....

Ngày lên điểm:...../...../.....

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	SBD	Ghi chú
1		Vắng	Nguyễn Thị Mai	001	
2	2	7.5	Nguyễn Thị Vân Anh	002	
3	3	9	Phan Thị Anh	003	
4	4	7.5	Nguyễn Thị Bích	004	
5	5	7	Nguyễn Ngọc Chiến	005	
6	6	8	Hoàng Văn Cường	006	
7	7	7	Mai Hoàng Duyên	007	
8	8	5	Phạm Hồng Đoàn	008	
9	9	8.5	Nguyễn Thị Giang	009	
10	10	5.5	Trương Thị Hà	010	
11	11	8	Nguyễn Thị Hạnh	011	
12	12	9	Trần Thị Hồng Hạnh	012	
13	13	7.5	Đinh Thị Hằng	013	
14	14	7.5	Mai Thị Hằng	014	
15	15	9	Nguyễn Thị Hằng	015	
16	16	9	Nguyễn Thị Hằng	016	
17	17	8.5	Tạ Thị Thu Hằng	017	
18	18	7.5	Trần Thị Hằng	018	
19	19	4.5	Vũ Thị Hồng Hiệp	019	
20	20	9	Đào Thị Thuý Hoa	020	
21	21	6	Nguyễn Thị Hải Hoa	021	
22	22	4.5	Lương Thị Hoà	022	
23	23	7	Đỗ Thị Thu Hoài	023	
24	24	6.5	Nguyễn Thị Hồng	024	
25	25	7	Phan Thị Hồng	025	
26	26	7	Vũ Thị Hồng	026	
27	27	8	Mai Thị Huệ	027	
28	28	8	Trần Thị Huyền	028	
29	29	6	Mai Thị Hương	029	
30	30	8.5	Phạm Thị Hương	030	
31	31	7	Phan Thị Thanh Hường	031	
32	32	7.5	Lê Thị Lam	032	
33	33	8.5	Trương Thị Lan	033	
34	34	8	Nguyễn Thị Linh	034	
35	35	9	Nguyễn Thị Thuý Linh	035	
36	36	7.5	Đặng Thị Loan	036	
37	37		Vũ Khánh Ly	037	
38	38	9	Hà Thị Lý	038	
39	39	8	Bùi Thị Hoa Mận	039	
40	40	7	Hà Thị Nam	040	
41	41	8	Nguyễn Thị Nga	041	
42	42	7	Nguyễn Thị Ngoan	042	
43	43	7	Nguyễn Thị Nhân	043	
44	44	7.5	Vũ Thị Nhuận	044	
45	45	7	Lê Thị Nhuận	045	
46	46	8	Bùi Thị Nhung	046	
47	47	7.5	Đỗ Tuyết Nhung	047	
48	48		Nông Thị Nhung	048	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	SBD	Ghi chú
49	49	6	Đào Thị Kiều Oanh	049	
50	50	8.5	Nguyễn Thị Oanh	050	
51	51	8.5	Trần Thị Oanh	051	
52	52	7	Nguyễn Thu Phương	052	
53	53	6.5	Bùi Bích Phượng	053	
54	54	9	Nguyễn Thị Phượng	054	
55	55	9	Nông Thị Phượng	055	
56	56	8.5	Nguyễn Thị Quê	056	
57	57	9	Hoàng Thị San	057	
58	58	8.5	Vũ Thị Sen	058	
59	59	8	Nguyễn Thị Thanh Tâm	059	
60	60	6	Ngô Văn Thành	060	
61	61	8.5	Đinh Thị Thảo	061	
62	62	8.5	Hồ Thanh Thảo	062	
63	63	7	Nguyễn Thị Thảo	063	
64	64	9	Phạm Thị Phương Thảo	064	
65	65	8.5	Phùng Thị Thanh Thảo	065	
66	66		Chu Thị Thắm	066	
67	67	7.5	Đỗ Thị Thắm	067	
68	68	9	Phạm Thị Thêm	068	
69	69	7	Đinh Thị Thiết	069	
70	70	8.5	Lưu Thị Thìn	070	
71	71		Phạm Văn Thoán	071	
72	72	4.5	Bùi Thị Hồng Thơ	072	
73	73	8	Phan Thị Anh Thơ	073	
74	74	5	Hoàng Thị Thơm	074	
75	75	7.5	Lê Thị Thu	075	
76	76	9	Nguyễn Thị Thu	076	
77	77	7.5	Nguyễn Thị Thu	077	
78	78	8.5	Nguyễn Việt Minh Thu	078	
79	79	7	Hoàng Thị Thuận	079	
80	80	9	Nguyễn Thị Thuý	080	
81	81		Trần Chung Thủy	081	
82	82	6	Đỗ Thị Tình	082	
83	83	8.5	Bùi Thị Trang	083	
84	84	7	Ngô Quỳnh Trang	084	
85	85	6.5	Hoàng Thị Mai Trâm	085	
86	86	9	Nguyễn Thị Trinh	086	
87	87	6.5	Đoàn Thị Tuyết	087	
88	88	6	Nguyễn Thị Tươi	088	
89	89	8	Nguyễn Thị Kim Vân	089	
90	90	9	Nguyễn Thị Thu Vân	090	
91	91	7	Nguyễn Thị Vân	091	
92	92	5.5	Hà Thị Kim Vui	092	
93	93	6	Nguyễn Thị Xuyên	093	
94	94	9	Hoàng Thị Lan Anh	094	
95	95	8	Nguyễn Ngọc Anh	095	
96	96	7	Nguyễn Thị Lan Anh	096	
97	97	4	Trần Thị Lan Anh	097	
98	98	8	Nguyễn Văn Bản	098	
99	99	2.5	Phùng Thị Kim Chi	099	
100	100	2	Hoàng Thị Thùy Dung	100	
101	101	6.5	Trần Lệ Dung	101	
102	102	5	Nguyễn Thị Duyên	102	
103	103	8	Nguyễn Thế Dũng	103	
104	104	6.5	Nguyễn Anh Được	104	
105	105	7.5	Hoàng Việt Đức	105	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	SBD	Ghi chú
106	106	6	Dương Văn Giang	106	
107	107	5.5	Chữ Thị Hà	107	
108	108	8	Đoàn Thị Thu Hà	108	
109	109	0	Nguyễn Thị Thu Hà	109	
110	110	6	Nguyễn Thị Việt Hà	110	
111	111	6	Nguyễn Thị Hải	111	
112	112	0	Hà Thu Hào	112	
113	113	0	Bùi Thị Bích Hằng	113	
114	114	7	Đặng Trung Hiếu	114	
115	115	2	Ngô Thị Hoa	115	
116	116	5.5	Nguyễn Thúy Hoa	116	
117	117	8	Phạm Thu Hoài	117	
118	118	5	Nông Văn Hoàn	118	
119	119	7.5	Hà Thị Hồng	119	
120	120	8.5	Phùng Thị Minh Huệ	120	
121	121	8.5	Bùi Thị Thanh Huyền	121	
122	122	7.5	Đình Thị Huyền	122	
123	123	5	Đỗ Thị Thanh Huyền	123	
124	124	7	Lương Thanh Huyền	124	
125	125	8.5	Nguyễn Thị Thương Huyền	125	
126	126	4	Vương Thị Thu Huyền	126	
127	127	2	Nguyễn Quang Huy	127	
128	128	6.5	Nguyễn Mạnh Hùng	128	
129	129		Đặng Thu Hương	129	
130	130	7	Giang Diệu Hương	130	
131	131	3.5	Nông Thị Hồng Hương	131	
132	132	8.5	Vũ Thị Lan Hương	132	
133	133	8	Vũ Thị Thu Hương	133	
134	134	2	Hoàng Thu Hường	134	
135	135	2.5	Nguyễn Thị Hương	135	
136	136	7	Lâm Thị Thủy Kiều	136	
137	137	8	Trịnh Thùy Linh	137	
138	138	5	Trần Thị Ly	138	
139	139	9	Nguyễn Thị Mai	139	
140	140	1	Nguyễn Tuyết Mai	140	
141	141	6	Bùi Thị Ngọc	141	
142	142	9	Đặng Thị Hồng Nhung	142	
143	143	2	Lê Thị Hồng Nhung	143	
144	144	8	Phạm Thị Nhung	144	
145	145	9	Khuất Thị Xuân Oanh	145	
146	146		Đình Thị Thu Phương	146	
147	147	7	Lê Diệu Phương	147	
148	148		Lý Lan Phương	148	
149	149	5	Mai Thị Phương Quyên	149	
150	150	6	Nguyễn Thị Tố Quyên	150	
151	151	3	Bê Đức Tài	151	
152	152	5	Lương Ngọc Tân	152	
153	153	1.5	Bùi Phương Thảo	153	
154	154	3	Nguyễn Thị Phương Thảo	154	
155	155	5.5	Nguyễn Thu Thảo	155	
156	156	3	Hoàng Văn Thạch	156	
157	157	7	Mã Thị Thoa	157	
158	158	6.5	Tạ Thị Thoa	158	
159	159	8	Ngô Hồng Thơ	159	
160	160	5	Phạm Thị Hồng Thủy	160	
161	161	4.5	Nguyễn Thị Bích Thủy	161	
162	162	2.5	Nguyễn Thị Thu Thủy	162	

STT	Số phách	Điểm bằng số	Họ và tên	SBD	Ghi chú
163	163	9	Hứa Thị Thương	163	
164	164	6	Hạ Thị Toàn	164	
165	165	8	Ngô Thị Quỳnh Trang	165	
166	166	3.5	Nguyễn Thị Huyền Trang	166	
167	167	2	Nguyễn Thị Huyền Trang	167	
168	168		Nguyễn Thị Thu Trang	168	
169	169	6	Nguyễn Thu Trang	169	
170	170	6	Vũ Thị Huyền Trang	170	
171	171	7	Trần Xuân Tuấn	171	
172	172	5	Dương Thị Tuyết	172	
173	173	9	Ngô Thị Vân	173	
174	174	2	Nguyễn Thị Thu Vân	174	
175	175	6	Nguyễn Thị Vân	175	
176	176	0.5	Trần Thị Ái Vân	176	
177	177	9.5	Nguyễn Thu Hà	177	
181	178	9	Nguyễn Thị Hạnh	178	
182	179	9.5	Bùi Thị Hoa	179	
183	180	8	Giang Minh Huyền	180	
184	181	8.5	Nguyễn Thị Hương	181	
185	182	9	Hà Thị Lan	182	
186	183	9	Lê Thị Lan	183	
187	184	8	Đinh Phương Liên	184	
188	185	9	Nguyễn Thị Châu Loan	185	
189	186	9	Trần Thị Nga	186	
190	187	8.5	Đặng Thị Ngọc	187	
191	188	9	Vũ Thị Thủy	188	
192	189	9	Đoàn Thu Thủy	189	
193	190	8.5	Nguyễn Thị Thu Trang	190	
194	191	8	Vũ Thị Hải Yến	191	

Người lên điểm

Ban chủ nhiệm khoa duyệt